



**HAL**  
open science

## Anthropology of development

Emmanuel Pannier

► **To cite this version:**

Emmanuel Pannier. Anthropology of development. *Nhân học : Ngành khoa học về con người*, 2020.  
hal-03990345

**HAL Id: hal-03990345**

**<https://hal.science/hal-03990345>**

Submitted on 15 Feb 2023

**HAL** is a multi-disciplinary open access archive for the deposit and dissemination of scientific research documents, whether they are published or not. The documents may come from teaching and research institutions in France or abroad, or from public or private research centers.

L'archive ouverte pluridisciplinaire **HAL**, est destinée au dépôt et à la diffusion de documents scientifiques de niveau recherche, publiés ou non, émanant des établissements d'enseignement et de recherche français ou étrangers, des laboratoires publics ou privés.

# NHÂN HỌC PHÁT TRIỂN

TS. Emmanuel Pannier  
Viện Nghiên cứu Phát triển Pháp  
Giảng viên thỉnh giảng Khoa Nhân học

Pannier Emmanuel, 2020, "Nhân học phát triển" [Anthropologie du développement], in Nguyen Van Suu (ed) *Nhân học ngành khoa học về con người [Anthropologie: l'étude des humains]*, Hanoi, Hanoi National University Press.

## MỞ ĐẦU

Trong lĩnh vực nhân học, nhà nghiên cứu là một chủ thể liên quan trực tiếp với các chủ thể khác. Trái ngược với những quan niệm phổ biến cho rằng nhà khoa học là người quan sát trung lập, tiếp cận nhưng không can dự vào đối tượng nghiên cứu của mình, thì trong thực tế nhà nhân học có mang đến sự thay đổi trong không gian xã hội mình nghiên cứu qua sự hiện diện, vị thế, sự quan sát và những câu hỏi nghiên cứu. Nhận định này càng đúng hơn trong chuyên ngành nhân học phát triển: nhà nhân học tham gia vào một hành động với chủ đích sửa đổi hoạt động của một xã hội. Vị trí đặc biệt này của nhà nhân học phát triển được thể hiện thông qua các hình thức và cách biểu đạt khác nhau mà tôi sẽ trình bày trong chương sách này. Sau khi đề cập khái niệm phát triển, tôi sẽ trình bày sơ lược lịch sử mối liên hệ giữa nhân học và phát triển. Trong phần cuối, tôi sẽ chia sẻ các thực tiễn khác nhau của nhân học phát triển.

## KHÁI NIỆM PHÁT TRIỂN

« Phát triển » là khái niệm đa nghĩa, phức tạp và mơ hồ. Trong chương này, tôi đề cập hai định nghĩa. Trước hết, phát triển là một *quá trình* thay đổi kinh tế và xã hội tổng thể. Định nghĩa này có thể được sử dụng khi nói về sự phát triển của một quốc gia, chẳng hạn, theo tiêu chí đánh giá của Ngân hàng thế giới (WB), Việt Nam đã chuyển từ vị thế « nước nghèo » sang « nước có thu nhập trung bình ». Một định nghĩa khác của phát triển được gắn với các dự án hoặc chính sách nhằm thực hiện một cách chủ động các cải biến được lên kế hoạch để cải thiện điều kiện sống của người dân. Như chương trình « P135 - Giảm nghèo bền vững » và chương trình « Xây dựng nông thôn mới » của Việt Nam, hoặc các dự án của các tổ chức phi chính phủ triển khai trong các lĩnh vực giáo dục, tín dụng vi mô, xóa bỏ bất bình đẳng giới hoặc nâng cao năng lực, v.v.

Nhưng đằng sau hai định nghĩa mang vẻ trung lập này, khái niệm phát triển ẩn chứa nhiều ý nghĩa mang tính ý thức hệ. Giống như các ý tưởng về "văn minh" và "hiện đại", "phát triển" nói chung thường có nội hàm tích cực. Phát triển thường được nhìn nhận như một lý tưởng cần theo đuổi, ngay cả khi trong thực tế, nhiều dự án và

biện pháp phát triển không những không mang đến sự cải thiện mà thậm chí còn làm suy giảm cuộc sống của người dân hoặc môi trường của họ (Ferguson 1990 ; Scott 1998 ; Singleton 2004 ; Châu 2010). Với nhà nhân học quan tâm đến phát triển, cần thiết phải phân tích và phản biện những giả định tiềm ẩn phía sau khái niệm phát triển. Và nhắc lại lịch sử sơ lược của khái niệm này sẽ giúp ích cho việc này.

Sự khởi đầu của "kỷ nguyên phát triển" (Rist 2001 ; Lewis 2005) thường được nhắc đến với bài diễn văn nhậm chức năm 1949 của Tổng thống Hoa Kỳ Truman. Bài diễn văn của ông chứa đựng những ý nghĩa của thuật ngữ phát triển vẫn tồn tại cho đến ngày nay và nó phản ánh nền tảng tư tưởng của khái niệm này. Theo đó, phát triển hàm ý "phúc lợi" và "cải thiện điều kiện sống" làm mục tiêu, và thường gắn liền với hàm ý tăng trưởng kinh tế và tiến bộ kỹ thuật với tư cách là phương tiện để đạt được hai mục tiêu đó. Phát triển được nhìn nhận như một quá trình tất yếu và tuyến tính mà mỗi xã hội đều *phải* đi theo. Trong quá trình này, một số xã hội đến sớm và một số xã hội khác đến muộn, và xã hội nào đi trước có nhiệm vụ hỗ trợ xã hội đi sau. Sự phân hóa giữa "các nước đã phát triển" và những nước gọi là "kém phát triển" có ngụ ý phân chia thứ bậc đối với các xã hội theo trình độ phát triển, và đứng ở bậc trên cùng là xã hội phương Tây.

Thế giới quan vị chủng này, với đặc điểm phần lớn gần giống như thế giới quan biện minh cho công cuộc thuộc địa hóa, bắt nguồn từ chủ nghĩa tiến hóa xã hội: con đường cần thiết để chuyển từ con người man rợ sang con người văn minh theo từng giai đoạn chính xác hướng tới sự đoạn tuyệt và làm chủ thiên nhiên. Theo thế giới quan đó, quy luật phát triển là tự nhiên và ràng buộc với tất cả. Các điều kiện lịch sử xã hội cụ thể của các xã hội "được gọi là phát triển" cũng như cơ chế thống trị của các nước phương Tây đối với phần còn lại của thế giới được loại bỏ khỏi những gì giải thích cho cái gọi là "tiến bộ" của họ và tình trạng đói nghèo của các quốc gia được xem là "lạc hậu". Hơn nữa, nhân học đã chỉ ra rằng mỗi tiến trình của sự biến đổi xã hội là độc đáo và mang tính đặc thù vì nó có vị trí lịch sử văn hóa riêng. Do đó, không thể tái lập hoặc "xuất khẩu" một mô hình phát triển duy nhất, thậm chí nếu áp đặt một mô hình như vậy còn có hại và có thể gây nên sự triệt tiêu văn hoá (Jaulin 1984 ; Long 1977 ; Gunder 1966, Singleton 2004, Mosse 2005 ; Li 2007).

Kể từ khi bắt đầu kỷ nguyên phát triển sau Chiến tranh Thế giới II, các quan điểm và thực tiễn phát triển đã trải qua nhiều xu hướng khác nhau. Do thất bại của các phương pháp tiếp cận tập trung vào tăng trưởng kinh tế và chuyển giao công nghệ vốn thống trị cho đến những năm 1980, "các yếu tố xã hội" (bất bình đẳng, quyền con người, giáo dục, sức khỏe, giá trị văn hóa và phúc lợi xã hội, v.v.) đã được đưa ra. Chỉ số Phát triển Con người (HDI) do Chương trình Phát triển của Liên Hợp quốc (UNDP) thiết lập và khái niệm "năng lực" (*capability*) do Amartya Sen (1992) phát triển là những dấu hiệu quan trọng của bước ngoặt này. Sau đó, nhiều phương thức tiếp nối nhau ra đời, từ các "kế hoạch cải cách cơ cấu" (ít Nhà nước hơn và nhiều thị trường hơn) cho tới "quản trị tốt" (*good governance*), đến ngày nay được đưa ra kể

từ những năm 1990 để nhấn mạnh phương thức "phát triển bền vững", với mong muốn tính đến các vấn đề môi trường (Lewis 2005). Mặc dù các quan điểm phê phán chống phát triển hoặc hậu phát triển đã xuất hiện và phá vỡ khái niệm phát triển (Escobar 1995 ; Ferguson 1990 ; Rist 2001 ; Latouche 2003), thì nền tảng tư tưởng thống trị dựa trên chủ nghĩa tiến hóa xã hội, lòng vị tha và mô hình hiện đại hóa vẫn không thay đổi (Olivier de Sardan 1995).

Do đó, nhà nhân học cần phải giữ một khoảng cách với những hệ tư tưởng có tầm ảnh hưởng rộng đó, dù đó là hệ tư tưởng bác bỏ hay hệ tư tưởng thúc đẩy phát triển, và cần phải đến tận thực địa để quan sát xem trong thực tế những hành động và dự án được gọi là "phát triển" được thực hiện như thế nào. Để hiểu được cách mà các nhà nhân học tham gia vào sự phát triển, cần tìm hiểu lịch sử sơ lược các mối liên hệ giữa nhân học và phát triển.

### LỊCH SỬ NHÂN HỌC PHÁT TRIỂN

Mối liên hệ trực tiếp đầu tiên giữa nhân học và những vận động của sự thay đổi ngoại sinh bắt đầu từ thời thuộc địa, đặc biệt là ở Anh, nơi kiến thức dân tộc học được sử dụng phục vụ trực tiếp cho chính quyền thuộc địa, sau đó là ở Hoa Kỳ, trong những năm 1930-1940, khi các nhà nhân học tham gia vào việc quản lý các vùng lãnh thổ của người da đỏ bản địa (Lewis 2005 ; Atlani-Duault và Vidal 2009 ; Albert 1995). Ở Việt Nam, chính quyền thực dân Pháp chủ yếu huy động kiến thức nhân học để quản lý các cộng đồng dân tộc miền núi (Nguyễn Văn Chính 2019). Mười tập "Sứ mệnh Pavie" (1879-1895) cũng như tác phẩm "Dân tộc học miền bắc Bắc Kỳ" của Étienne-Edmond Lunet de Lajonquière xuất bản năm 1906 là một vài ví dụ trong số những công trình của "dân tộc học quân sự Pháp" (Michaud 2013).

Nhưng ý tưởng mà theo đó các nhà nhân học có vai trò trong các dự án phát triển, đặc biệt trong việc giúp xác định và tính đến các yếu tố "văn hóa xã hội" để đưa vào dự án, được phổ biến lần đầu tiên vào cuối những năm 1940 và 1950 trong thế giới các nước nói tiếng Anh và sau đó là ở các nơi khác từ những năm 1970 (Atlani-Duault và Vidal 2009). Việc tuyển dụng các nhà nhân học vào làm việc trong các tổ chức phát triển lớn (WB, UNDP, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ - USAID, v.v.) và sau đó ở trong các tổ chức phi chính phủ khác nhau (NGO, hiệp hội, công ty tư vấn, v.v.) là dấu hiệu của xu hướng này. Đây là cách mà nhân học ứng dụng được triển khai, nơi nhà nghiên cứu sử dụng và điều chỉnh thường xuyên các công cụ nghiên cứu của mình và đưa chúng vào phục vụ cho các dự án phát triển (Chambers 1983; Cernea 1991). Vì một số hướng tiếp cận này thường đi chệch khỏi các quy tắc cổ điển của nhân học hàn lâm, một số nhà nghiên cứu đã chỉ trích mạnh mẽ sự tham gia của các nhà nhân học trong các vấn đề phát triển. Sự phủ nhận nhân học ứng dụng vào phát triển đã dẫn đến việc xu hướng này bị gạt ra ngoài lề trong những năm 1960 và 1970 (Lewis 2005).

Nhưng một số nhà nhân học khác, mặc dù cũng chỉ trích khi nói đến những thành kiến được tạo ra khi đưa các nhà nhân học tham gia phục vụ cho các hoạt động phát triển, lại không từ chối mối quan tâm tới lĩnh vực nghiên cứu này hay bác bỏ tầm quan trọng của việc tham gia vào các vấn đề phát triển. Đây là cách mà nhân học phát triển với tư cách là một bộ môn học thuật được hình thành thông qua việc coi quá trình hoặc dự án phát triển là đối tượng nghiên cứu (Robertson 1984 ; Li 2007; Long 2001 ; Olivier de Sardan 1995 ; Baré 1995 ; Atlani-Duault và Vidal 2009). Cùng với nghiên cứu học thuật, một số nhà nhân học phát triển công nhận khía cạnh ứng dụng tiềm năng của bộ môn này.

Ở Việt Nam, các nhà nhân học đã tham gia từ lâu vào các vấn đề phát triển và sự tham gia của họ gắn bó mật thiết với việc xây dựng đất nước. Trong bối cảnh một nền nhân học mác-xít phục vụ Đảng và Nhà nước, thì chiều hướng nghiên cứu ứng dụng quả thực rất được coi trọng. Nhà nước khuyến khích các nhà nghiên cứu tìm câu trả lời cho các câu hỏi thực tiễn, và nhiều nghiên cứu khoa học xã hội được chính thức sử dụng phục vụ cho chính sách công (Evans 1985). Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam có chức năng « cung cấp các luận cứ khoa học cho Đảng và Nhà nước trong việc hoạch định đường lối, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển nhanh và bền vững của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa »<sup>1</sup>. Nguyễn Văn Chính chỉ ra rằng " (...) các nhân vật hàng đầu của dân tộc học Việt Nam cũng cho rằng nhiệm vụ của dân tộc học mác-xít là phục vụ tích cực cho công tác chính trị và chính sách dân tộc của Đảng (...) (2019: 91). Từ khi nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra đời cho đến nay, một số nhà lãnh đạo cấp cao và cán bộ điều hành chính sách phát triển được đào tạo về nhân học và các nhà nghiên cứu nhân học chuyên nghiệp đã tham gia tích cực vào việc hoạch định các chính sách dân tộc và các chương trình phát triển miền núi (Nguyễn Văn Chính 2019 ; Đặng Nguyên Anh 2019).

Bên ngoài khuôn khổ nhà nước, các nhà nhân học cũng thường được các tổ chức phát triển quốc tế hoặc các tổ chức phi chính phủ mời cộng tác (WB, Ngân hàng Phát triển Châu Á - ADB, USAID Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế - IUCN, UNDP, Quỹ Nhi đồng Liên Hợp quốc - UNICEF, Tổ chức Y tế Thế giới - WHO, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản - JICA, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em - Save the Children, OXFAM, v.v.). Việc thiếu nguồn lực trong giới học thuật cũng là một lý do thúc đẩy các giảng viên-nghiên cứu viên làm nhà tư vấn cho các cơ quan, tổ chức này để tìm thêm các nguồn thu nhập khác.

Dù phục vụ các chính sách phát triển của chính phủ hay các dự án của các tổ chức quốc tế, với tư cách là nhà nghiên cứu, cố vấn chính sách hay chuyên gia tư vấn, các nhà nhân học ở Việt Nam đều tham gia sâu vào lĩnh vực phát triển, đặc biệt trong các chương trình xóa đói giảm nghèo, quản lý rừng hoặc thủy lợi, phát triển tín dụng

---

<sup>1</sup> <https://vass.gov.vn/noidung/gioithieu/Pages/gioi-thieu-tong-hop.aspx>

nông thôn, di cư, giáo dục, y tế hoặc khuyến nông. Đặng Nguyên Anh cho rằng “trong thời kỳ đổi mới, ngành nhân học tiếp tục đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong cả lĩnh vực nghiên cứu và tư vấn phát triển, đáp ứng nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế, xã hội của đất nước” (Đặng Nguyên Anh 2019: 282).

Hiện tại, những người thúc đẩy đổi mới nhân học phát triển đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của khía cạnh ứng dụng (Khổng Diễn 2003; Đặng Nguyên Anh 2019; Nguyễn Văn Chính 2019). Nhưng, Nguyễn Văn Chính (2019) tin rằng, các trường đại học và viện nghiên cứu vẫn chưa sẵn sàng. Ở Việt Nam, nhân học chưa xây dựng được hệ thống lý luận hay phương pháp luận riêng về nhân học phát triển. Mặc dù tất cả các chương trình đào tạo nhân học bậc đại học đều giảng dạy các nội dung về nhân học phát triển, nhưng hiện nay chưa có trung tâm nghiên cứu hoặc tổ chức nghiên cứu dành riêng cho chuyên ngành này. Cuối cùng, như Evans (1985) đã chỉ ra, một ngành nhân học mà được ứng dụng vào việc phục vụ các chính sách của nhà nước sẽ có nguy cơ được thực hiện không đúng chuẩn làm phương hại đến tính nghiêm cẩn về học thuật và tính độc lập của nghiên cứu. Có một xu hướng của nhân học Việt Nam mà theo đó các phương pháp khảo sát nhanh của các dự án phát triển lại đang phát triển (Đặng Nguyên Anh 2019), thậm chí những tiếp cận này vốn bị chỉ trích vì nó không theo các phương pháp định tính đặc trưng của nhân học (Mosse 1994 ; Olivier de Sardan 1995). Sự căng thẳng giữa nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu hàn lâm không phải chỉ có ở Việt Nam, nó phản ánh một trong những thách thức lớn của nhân học nói chung và nhân học phát triển nói riêng (Barré 1995 ; Lewis 2005).

### CÁC HƯỚNG TIẾP CẬN CỦA NHÂN HỌC PHÁT TRIỂN

Trong công trình tổng hợp bằng tiếng Việt do các nhà nghiên cứu quốc tế và Việt Nam biên soạn về nhân học phát triển, có ba hướng tiếp cận được phân biệt rõ:

« Hướng thứ nhất là các nhà nhân học hàn lâm lấy các vấn đề của phát triển làm đối tượng nghiên cứu (nghiên cứu nhân học về phát triển). Hướng thứ hai là các nhà nhân học ứng dụng tri thức và phương pháp nhân học vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn phát triển (ứng dụng nhân học trong phát triển). Hướng thứ ba là các nhà nhân học tham gia xây dựng chính sách, quản lý chính sách, triển khai chính sách, giám sát và đánh giá chính sách/chương trình/dự án phát triển (thực hành nhân học trong phát triển) » (Nguyễn Văn Sửu 2015: 11).

Trong ba hướng tiếp cận này, người ta thường phân biệt nhà nhân học tham gia với tư cách là chuyên gia tư vấn trong một dự án phát triển và nhà nhân học độc lập thực hiện nghiên cứu học thuật thuần túy. Mặc dù các phương pháp, điều kiện và kiểu cam kết cụ thể cho mỗi vị thế có khác nhau, song việc đặt nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu cơ bản vào vị thế đối lập ngày nay bị chỉ trích rộng rãi (Chambers 1987; Albert 1995; Lewis 2005). Thay vào đó, chúng nên được coi là hai cực của một chuỗi liên tục mà ở đó hàm lượng phân tích học thuật với việc duy trì khoảng cách

phản biện và hàm lượng nghiên cứu hướng tới hành động và ứng dụng tương ứng cho mỗi cực là khác nhau. Theo quan điểm này và theo Fassin (1999) và Cefai (2010), tôi sẽ trình bày ba vị trí lý tưởng-điển hình (*ideal type*) : nhà nhân học chuyên gia tư vấn, nhà nhân học nghiên cứu và giữa hai cực này là "nhà nhân học thực hành".

### **Nhà nhân học phát triển với vị thế nghiên cứu ứng dụng**

Nhà nhân học chuyên gia tư vấn nhận đặt hàng tư vấn và sử dụng năng lực của mình để cung cấp kiến thức hỗ trợ một sáng kiến phát triển nhằm đảm bảo sáng kiến đó thành công. Anh ta phải tôn trọng "đề cương tham chiếu" (*terms of reference*) trong đó xác định rõ nội dung, định hướng và thời gian làm việc. Mặc dù vẫn có biên độ linh hoạt nhất định, chủ đề nghiên cứu và các vấn đề nghiên cứu cần giải quyết theo đặt hàng đều đã được xác định trước và được đóng khung nhiều hơn so với một nghiên cứu mang tính hàn lâm. Nhà nhân học cũng bị giới hạn về thời gian khảo sát, và thời gian này ngắn hơn so với nghiên cứu học thuật thuần túy. Nhà nhân học có thể được mời tư vấn vào các thời điểm khác nhau của dự án và được giao các vai trò khác nhau :

- Trước khi khởi động dự án để tham gia thiết kế và viết dự án.
- Khi bắt đầu dự án để làm nghiên cứu khả thi, nghiên cứu sơ bộ bối cảnh địa phương hoặc nghiên cứu xác định nhu cầu và các vấn đề cần giải quyết.
- Trong thời gian thực hiện dự án để giải quyết các trục trặc.
- Sau khi kết thúc dự án để thực hiện đánh giá tổng kết dự án.

Ví dụ, khi muốn xây đập tại địa điểm có dân cư ở Việt Nam, nhà nước sẽ đặt hàng chuyên gia thực hiện nghiên cứu đánh giá tác động của dự án xây đập đến nông nghiệp, kinh tế, nhà ở, v.v. Nhà nhân học có thể tham gia nhóm nghiên cứu đánh giá tác động để tìm hiểu tác động của dự án tới đời sống xã hội của cư dân và nghiên cứu các phương án tái định cư, bởi vì đây không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn là các vấn đề văn hóa xã hội. Trong trường hợp này, nhà nhân học tham gia vào giai đoạn tiền dự án. Nhà nhân học cũng có thể tham gia trong giai đoạn triển khai dự án để hỗ trợ quá trình tái định cư và thông tin cho người dân về thủ tục bồi thường và chuyển đổi nghề nghiệp, hoặc tuyên truyền và thuyết phục người dân trong trường hợp có sự phản đối từ phía cộng đồng. Trong trường hợp này, nhà nhân học đã sử dụng năng lực của mình để phục vụ một dự án làm đảo lộn và đôi khi làm suy giảm cuộc sống của cộng đồng người dân địa phương. Nhà nhân học có thể còn được mời tham gia ở giai đoạn hậu dự án, để tìm hiểu quá trình thích nghi của người dân với môi trường mới hoặc giúp giải quyết các vấn đề phát sinh, nếu chẳng hạn người dân bị di dời gặp xung đột với cộng đồng người dân ở nơi tái định cư trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

### **Nhà nhân học phát triển với vị thế nghiên cứu hàn lâm**

Một xu hướng quan trọng trong nhân học phát triển là xem phát triển như một "hiện tượng xã hội", có vị thế giống như các hiện tượng xã hội khác như quan hệ họ hàng, dân tộc và tôn giáo. Trong trường hợp này, nhà nghiên cứu không thực hiện nghiên cứu theo đặt hàng mà độc lập hơn trong việc xác định đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu. Với nghiên cứu nhân học hàn lâm, có thể phân biệt bốn vị trí của nhà nghiên cứu.

Thứ nhất, các nhà nhân học tiếp cận theo hướng "giải kiến tạo<sup>1</sup> phản biện" thường thù địch với sự phát triển với tư cách là một hệ tư tưởng và một thực tiễn. Họ phân tích và lên án các mối quan hệ phân biệt đối xử, thống trị hoặc bóc lột được thiết lập trong quá trình phát triển hoặc trong quá trình thực hiện dự án phát triển. Các nghiên cứu theo hướng này quan tâm đến việc chỉ ra rằng phát triển không phải là một quá trình tự nhiên và tất yếu, mà là một kiến tạo xã hội và lịch sử cụ thể thiết lập nên các mối quan hệ quyền lực (Escobar 1996; Fregusson 1990; Rist 2001; Latouche 2003).

Thứ hai, một hướng tiếp cận khác tập trung vào hiệu quả của các dự án (thất bại và thành công), tác động của dự án đối với "người hưởng lợi" và thường là bảo vệ lợi ích của những người bị gạt ra ngoài lề xã hội. Nhiều nhà nghiên cứu theo hướng này mong muốn phát huy giá trị của người dân địa phương, vốn là những người tiếp nhận các dự án nhưng hiểu biết và sự tham gia của họ không được tính đến trực tiếp trong dự án. Như Olivier de Sardan (2008) đã chỉ ra, trong khi một số nhà nghiên cứu có xu hướng đề cao các thực tiễn và kiến thức dân gian (Hobart 1993; Cernea 1991; Chambers 1983), thì phần lớn các nghiên cứu theo hướng này đã có công làm nổi bật nguồn lực của các tác nhân "từ bên dưới", *agency* (năng lực hành động) hoặc kiến thức địa phương phong phú của họ. Về hướng tiếp cận thứ hai này, có thể trích dẫn nghiên cứu của một số tác giả tập trung vào các định kiến, phát ngôn và chính sách của nhà nước đối với các nhóm dân tộc thiểu số (Cầm Hoàng & Phạm Quỳnh Phương 2012) hoặc về quyền đất đai, công bằng môi trường và tình trạng bị gạt ra ngoài lề của các nhóm dân tộc thiểu số (Cầm Hoàng, Satyal & Corbera 2019).

Thứ ba, một hướng tiếp cận khác nữa trong nghiên cứu nhân học phát triển học thuật là tìm hiểu các quá trình phát triển. Công việc này tập trung nghiên cứu những tác động của phát triển tới người dân, hoặc những cách thức mà họ phản ứng trước sự phát triển và nhào nặn nên sự phát triển. Có rất nhiều nghiên cứu ở Việt Nam đi theo hướng này (Đặng Nguyên Anh 2019), mặc dù không nhất thiết khẳng định đó là nhân học phát triển. Chẳng hạn, các nghiên cứu đó đề cập đến các động lực thay đổi kinh tế và xã hội của các dân tộc thiểu số (Phan Hữu Dật 2014), những chuyển đổi cục bộ vi mô do chính sách Đổi Mới gây ra (Lâm Minh Châu 2017) hoặc quá trình đô thị hóa và quản lý đất đai (Nguyễn Văn Sửu 2004). Trong số các nghiên cứu khác liên quan đến miền núi Việt Nam, có thể trích dẫn các công trình tập thể

---

<sup>1</sup> Một số cách dịch khác của thuật ngữ "deconstructivism" : Giải cấu trúc, Giải cấu, Giải kết cấu, ...



"*Development trends in Vietnam's northern mountain region*" (Deanna và cộng sự 1997), "*Đổi mới ở vùng miền núi*" (Castella và Đặng 2002) và "*Upland Transformations in Vietnam*" (Sikor và cộng sự 2011). Qua sự kết hợp nghiên cứu giữa các nhà nhân học xã hội và các nhà nghiên cứu từ các ngành khác, ba công trình này mô tả chi tiết những chuyển đổi xã hội, môi trường và chính trị ở các vùng đa sắc tộc này bằng cách chỉ ra sự đa dạng trong lộ trình, chiến lược và sinh kế mở ra tiếp sau sự phát triển thông qua các nghiên cứu trường hợp địa phương.

Thứ tư, hướng tiếp cận khác trong nghiên cứu nhân học phát triển học thuật có liên quan đến các nhà nhân học nghiên cứu các dự án phát triển với tư cách là một đối tượng nghiên cứu và do đó không chỉ đưa vào phân tích những người thụ hưởng mà còn cả các tác nhân và tổ chức thực hiện dự án (Mosse 2005; Ferguson 1990; Harrison & Crewe 1998; Long 2001; Li 2007; Atlani-Duault và Vidal 2009). Hướng tiếp cận này tìm hiểu thực tiễn, hình tượng, nhận thức và chiến lược của các tác nhân khác nhau tham gia vào một dự án phát triển, cũng như các quan hệ tương tác giữa các tác nhân đó. Các nghiên cứu này làm sáng tỏ sự đối đầu và đan cài của những logic xã hội vốn không đồng nhất và định hình nên sự vận hành và hoạt động hàng ngày của các dự án. Nhiều công cụ phương pháp đã được phát minh để tìm hiểu những vấn đề này như "xung đột", "đấu trường", "nhóm chiến lược", "trung gian", "sự đan cài của các logic xã hội", các "chuẩn mực thực tiễn", v.v. Tuyển tập các bài viết của Olivier de Sardan đã được dịch sang tiếng Việt có trình bày chi tiết hướng tiếp cận và các phương pháp này (Olivier de Sardan 2008).

### **« Nhân học thực hành » : gắn kiến thức với hành động**

Sự khác biệt được phác thảo ở đây giữa nhân học ứng dụng và nhân học học thuật nhằm mục đích cho thấy rằng trong thực tiễn, nhà nghiên cứu đồng thời mang cả hai tâm thế này. Do vậy, nên chẳng cần xem xét để lựa chọn một vị thế trung gian, theo đó nhà nhân học vừa thực hiện theo hướng nghiên cứu cơ bản phản biện vừa *tham gia* hoặc *định hướng có chủ đích hướng tới* hành động. Nhà nghiên cứu có thể thực hiện nghiên cứu theo đặt hàng hoặc chủ động thực hiện nghiên cứu cá nhân. Trong cả hai trường hợp, đều phải huy động kiến thức, kỹ năng và phương pháp học thuật để nghiên cứu và sau đó có thể khai sáng, phản biện hoặc thậm chí sửa đổi các dự án phát triển. Với tâm thế này, nhà nghiên cứu cũng có thể hỗ trợ người dân trong việc chinh phục quyền tự quyết hoặc cải thiện tình hình của họ (Albert 1995; Hoàng Cầm & Phạm Quỳnh Phương 2012).

Trong số rất nhiều nghiên cứu có ở Việt Nam, có thể trích dẫn nghiên cứu do Nguyễn Văn Chính thực hiện trong khuôn khổ dự án do Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế tài trợ (Nguyễn Quang Tân et al. 2008). Mục tiêu được đưa ra : thúc đẩy việc thực hiện các cơ chế quản trị rừng tạo điều kiện và khuyến khích việc bảo tồn và quản lý rừng bền vững và công bằng. Nghiên cứu này sử dụng cách tiếp cận hàn lâm : nhà nhân học, với sự phối hợp cộng tác của một chuyên gia pháp lý và một

chuyên gia kinh tế, đã thực hiện một nghiên cứu sâu về một nhóm quyền (sử dụng, tiếp cận, kiểm soát, chuyển nhượng) và các thỏa thuận phi chính thức được sử dụng để điều tiết các loại đất lâm nghiệp khác nhau, thông qua việc so sánh các quyền của nhà nước và quyền theo phong tục. Dựa trên các cuộc khảo sát thực địa sâu, nghiên cứu này đã giúp xác định một loạt các vấn đề (phân bố đất rừng không công bằng, xung đột liên quan đến đất đai cũ bị đốt nương làm rẫy, vấn đề tham nhũng, thiếu sự công nhận luật tục so với luật chính thức, v.v.). Trên cơ sở này và bằng cách huy động các tài liệu khoa học về quản trị rừng, nghiên cứu trên cuối cùng đã đề xuất một loạt các khuyến nghị thiết thực như tăng cường chuyển giao quyền sở hữu đất đai cho người dân, cải thiện khả năng tiếp cận thông tin pháp lý, tạo điều kiện tiếp cận tín dụng, thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân trong việc giúp đỡ người nghèo, quan tâm nhiều hơn đến các quyền theo phong tục tập quán, thu hút sự tham gia của cộng đồng vào quản trị rừng, v.v.

### KẾT LUẬN : ĐÓNG GÓP VÀ TRIỂN VỌNG CỦA NHÂN HỌC PHÁT TRIỂN

Từ khi trở thành một ngành nghiên cứu độc lập, nhân học đã có nhiều cọ xát trực tiếp hoặc gián tiếp với lĩnh vực phát triển. Trong số nhiều đóng góp của ngành này cho các vấn đề và thách thức của phát triển, có thể ghi nhận hai điểm chính. Đầu tiên, nhân học cung cấp một tư duy phản biện mang tính nền tảng về phát triển với tư cách là một hệ tư tưởng và một thực tiễn, giúp làm sáng tỏ những hệ tư tưởng tiềm ẩn trong sự phát triển dựa trên mô hình phương Tây và những ảnh hưởng thống trị mà sự phát triển đó mang lại. Một điểm nữa đó là nhờ các phương pháp và cách tiếp cận của nhân học, nhân học phát triển đã giúp tìm ra các động lực xã hội địa phương mà các nhà phát triển thường bỏ qua. Khi làm phát lộ các thực tiễn, tác nhân, logic xã hội, các mối quan hệ tương tác, lý tính và kiến thức địa phương vốn khó tiếp cận nhưng lại ảnh hưởng sâu sắc đến các quá trình và dự án phát triển, nhân học đã giúp chúng ta có thể tư duy lại các hành động và chính sách phát triển, điều chỉnh để các hành động và chính sách đó giảm bớt tác hại hoặc thậm chí trở nên phù hợp hơn. Theo quan điểm này, nghiên cứu sâu về mối tương tác giữa các nhà phát triển và "người hưởng lợi", phản ứng của địa phương đối với các can thiệp bên ngoài và nhiều "sai lệch" (về bản chất, mức độ, lý do) giữa những gì đã được lập kế hoạch bởi các dự án và những gì đang xảy ra cụ thể trên thực địa, cũng như nghiên cứu dân tộc học trong các cơ quan phát triển đã khẳng định đây là lĩnh vực nghiên cứu vẫn còn bỏ ngỏ (Olivier de Sardan 1995) và màu mỡ cho nhân học phát triển ở Việt Nam. Ngoài những đóng góp về mặt nghiên cứu học thuật, cách tiếp cận này sẽ giúp chúng ta hiểu được rằng không nhất thiết phải thực hiện những thay đổi đối với người dân địa phương, mà phải thực hiện thay đổi ở cấp độ của các dự án và tổ chức thực hiện dự án, thậm chí ở cấp độ của các logic, mục tiêu và hệ tư tưởng là xuất phát điểm định hình nên các dự án.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Albert, Bruce. 1995. « Anthropologie appliquée ou anthropologie "impliquée" ? Ethnographie, minorités, et développement », pp. 87-117, in BARÉ J.-F (ed.). *Les applications de l'anthropologie*. Paris : Karthala.
- Atlani-Duault, Laëticia ; Laurent, Vidal (eds.). 2009. *Anthropologie de l'aide humanitaire et du développement*. Paris : A. Colin.
- Barré, Jean-François (ed.). 1995. *Les applications de l'anthropologie. Un essai de réflexion collective depuis la France*. Paris : Karthala.
- Castella, Jean-Christophe; Đặng Đình Quang. 2002. *Đổi mới ở vùng miền núi : chuyển đổi sử dụng đất và chiến lược sản xuất của nông dân tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam*. Hà Nội : Nxb. Nông nghiệp, 2002
- Céfaï, Daniel. (ed.). 2011. *L'engagement ethnographique*. Paris, Ed. EHESS.
- Cernea, Michal (ed.). 1991. *Putting people first. Sociological variations in rural development*. (1E. 1985). Oxford : Oxford University Press.
- Chambers, Erve. 1987. "Applied Anthropology in the Post-Vietnam Era: Anticipations and Ironies". *Annual Review of Anthropology*, 16: 309-337
- Chambers, Robert. 1983. *Rural development: putting the first last*. London: Longman.
- Đặng Nguyên Anh. 2019. Assessing Doi Moi (Renovation) Anthropology in Vietnam, pp.276-291, in Eric C Thompson & Vineeta Sinha (eds.). *Southeast Asia Anthropologie. National traditions and transnational practices*. Singapore: NUS Press.
- Deanna, Donovan; Rambo, A. Terry; Fox, Jeferson; Le Trong Cuc; Tran Duc Vien. 1997. *Development trends in Vietnam's northern mountain region*. Hanoi : National Political Publishing House.
- Escobar, Arturo. 1995. *Encountering development: the making and unmaking of the Third World*. Princeton, NJ: Princeton University Press.
- Evans, Grant. 1985. "Vietnamese Communist Anthropology". *Canberra Anthropology* 8 (1-2): 116-147
- Fassin, Didier. 1999. « L'anthropologie entre engagement et distanciation. Essai de sociologie des recherches en sciences sociales sur le sida en Afrique », pp. 41-66, in Becker C., Dozon J.-P., Obbo C., Touré M (eds.). *Vivre et penser le sida en Afrique*. Paris : CODESRIA/ Karthala/ IRD.
- Ferguson, James. 1990. *The Anti-Politics Machine: 'Development', Depoliticization, and Bureaucratic Power in Lesotho*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Gunder, Frank Andre. 1966. "The development of underdevelopment". *Monthly Review*, Vol. 18, No. 4.
- Harrison, Emma; Crewe, Elizabeth. 1998. *Whose development? An ethnography of aid*. London: Zed Books.

- Hoàng Cầm & Phạm Quỳnh Phương. 2012. *Diễn ngôn, chính sách và sự biến đổi văn hóa - sinh kế tộc người*. Hanoi: ISEE.
- Hoàng Cầm; Poshendra, Satyal & Esteve, Corbera. 2019. "'This is my garden': justice claims and struggles over forests in Vietnam's REDD+". *Climate Policy*, 19: 23-35.
- Hobart, Mark. (ed.). 1993. *An anthropological critique of development: The growth of ignorance*. London: Routledge.
- Jaulin, Robert. 1984. « Ethnocide, Tiers Monde et ethnodéveloppement ». *Tiers-Monde*, 25 (100): 913-927.
- Khổng Diễn. 2003. "Tổng quan về dân tộc học trong những năm qua", tr.227-290, trong Phạm Tất Dong (chủ biên). *Khoa học xã hội và nhân văn: mười năm đổi mới và phát triển*. Tập 2. Hà Nội: Nxb Khoa học xã Hội.
- Lâm Minh Châu. 2010. Kỷ yếu hội thảo quốc tế về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc phục vụ phát triển bền vững. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội và Trường Đại học Bansomdejchaopraya Rajabhat, Thái Lan chủ trì, Hà Nội, 17-12-2010.
- \_\_\_\_\_. 2017. *Đổi mới, Kinh tế thị trường và Hiện đại hóa: Trải nghiệm ở một làng nông thôn Bắc Bộ Việt Nam*. Hà Nội : Nxb Hà Nội.
- Latouche, Serge. 2003. *Décoloniser l'imaginaire. La pensée créative contre l'économie de l'absurde*. Paris : Parangon.
- Lewis, David. 2005. Anthropology and development : the uneasy relationship [online]. London: LSE Research Online.
- Li, Tania Murray. 2007. *The Will to Improve. Governmentality, Development and the Practice of Politics*. Durham, NC: Duke University Press
- Long, Norman (ed.). 2001. *Development Sociology: Actor Perspectives*. London: Routledge.
- Long, Norman. 1977. *An introduction to the sociology of rural development*. London & New York : Tavistock.
- Michaud, Jean. 2013. "French Military Ethnography in Colonial Upper Tonkin (Northern Vietnam), 1897–1904". *Journal of Vietnamese Studies*, 8(4): 1-46
- Mosse, David. 2005. *Cultivating Development. An Ethnography of Aid Policy and Practice*. London: Pluto Press.
- \_\_\_\_\_. 1994. « Authority, gender, and knowledge: theoretical reflections on the practice of participatory rural appraisal ». *Development and Change*, 25(3): 497-525.
- Nguyễn Quang Tân; Nguyễn Văn Chính; Vũ Thu Hạnh. 2008. *Statutory and Customary Forest Rights and their Governance Implications: The Case of Viet Nam*. Hanoi, Viet Nam: IUCN.
- Nguyễn Văn Chính. 2019. "Vietnamese Anthropology at the crossroads of change", pp.83-107, in Eric C Thompson & Vineeta Sinha (eds.). *Southeast Asia*

- Anthropologie. National traditions and transnational practices*. Singapore: NUS Press.
- Nguyễn Văn Sửu (ed.). 2015. *Nhân học phát triển: Lịch sử, lý thuyết và công cụ thực hành* (nhiều tác giả, Nguyễn Văn Sửu tuyển chọn, tổ chức dịch thuật và xuất bản). Hà Nội : Nxb Tri thức.
- Nguyễn Văn Sửu. 2004. "The politics of land: Inequality in land access and local conflicts in the Red River Delta since Decollectivization", pp. 270-296, in Philip Taylor (ed.). *Social inequality in Vietnam and the challenges to reform*. Singapore: ISEAS.
- Olivier de Sardan, Jean-Pierre. 1995. *Anthropologie et développement, essai en socio-anthropologie du changement social*. Paris : Karthala.
- \_\_\_\_\_. 2008. *Nhân học phát triển. Lý thuyết, phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu điền dã*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội (Christian Culas & Bùi Quang Dũng tuyển chọn, tổ chức dịch thuật và xuất bản).
- Phan Hữu Dật (ed.). 2014. *Một số vấn đề về dân tộc học Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Rist, Gilbert. 2001. *Le développement. Histoire d'une croyance occidentale*. Paris : Presses de Sciences Po.
- Robertson, Alexander Foster. 1984. *People and the state: an anthropology of planned development*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Sen, Amartya. 1992. *Inequality Re-examined*. Oxford: Clarendon Press.
- Scott, James. 1998. *Seeing like a State*. New Haven: Yale University Press.
- Sikor, Thomas; Nghiêm Phương Tuyền, Sowerwine, Jennifer; Romm Jeff (eds.). 2011. *Upland Transformations in Vietnam*. Singapore: NUS Press.
- Singleton, Michael. 2004. *Critique de l'ethnocentrisme. Du missionnaire anthropophage à l'anthropologue post développementiste*. Paris, Parangon.